

**Phụ lục**

**TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU ĐỐI VỚI XÃ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO  
TỈNH BÌNH ĐỊNH, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Công văn số /SLĐTBXH-VLGDNN ngày /6/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

**I. Đối với xã xây dựng Nông thôn mới**

| STT | Tên tiêu chí       | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                             | Chỉ tiêu cụ thể            |                        | Ghi chú                                                                 |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|     |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đối với các xã khu vực III | Đối với các xã còn lại |                                                                         |
| 1   | 11. Nghèo đa chiều | Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025                                                                                                                                                                                                                                     | $\leq 13\%$                | $\leq 5\%$             | Theo Quyết định số 757/QĐ- LĐTBXH ngày 18/8/2022 của Bộ LĐ-TB và XH     |
| 2   | 12. Lao động       | 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)                                                                                                                                                                                                               | $\geq 70\%$                | $\geq 75\%$            | Giữ nguyên theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh |
| 3   |                    | 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)                                                                                                                                                                                        | $\geq 20\%$                | $\geq 25\%$            |                                                                         |
| 4   | 18.5               | Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội | Đạt                        | Đạt                    | Giữ nguyên theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh |

## II. Đối với xã xây dựng Nông thôn mới nâng cao

| STT | Tên tiêu chí       | Nội dung tiêu chí                                                                      | Chỉ tiêu cụ thể | Ghi chú                                                                 |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 11. Nghèo đa chiều | Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025                                             | <3%             | Giữ nguyên theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh |
| 2   | 12. Lao động       | 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)                        | $\geq 80\%$     |                                                                         |
| 3   |                    | 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | $\geq 30\%$     |                                                                         |